PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 165/2015/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2015*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát trang phục và chế độ ưu tiên đối với Kiểm toán nhà nước; trích lập và sử dụng nguồn kinh phí được trích 5% trên số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước do Kiểm toán nhà nước phát hiện và kiến nghị

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước về kinh phí hoạt động của Kiểm toán nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 1003/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn bảng lương và phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo Kiểm toán nhà nước; bảng lương, phụ cấp, trang phục đối với cán bộ, công chức Kiểm toán nhà nước; chế độ ưu tiên đối với kiểm toán viên nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 794/2009/NQ-UBTVQH12 ngày 22 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung chế độ ưu tiên đối với cán bộ, công chức và người lao động của Kiểm toán nhà nước ban hành kèm theo Nghị quyết số 1003/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 670a/2013/NQ-UBTVQH13 ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi tỷ lệ phần trăm được trích, được sử dụng từ số tiền do Kiểm toán nhà nước phát hiện và kiến nghị trong Nghị Quyết số 794/2009/NQ-UBTVQH12 ngày 22 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 162/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về chế độ tiền lương, chế độ trang phục đối với cán bộ, công chức, viên chức Kiểm toán nhà nước và chế độ ưu tiên đối với kiểm toán viên nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 02/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 162/2006/NĐ-CP

ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về chế độ tiền lương, chế độ trang phục đối với cán bộ, công chức, viên chức Kiểm toán nhà nước và chế độ ưu tiên đối với kiểm toán viên nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;

Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát trang phục và chế độ ưu tiên đối với Kiểm toán nhà nước; trích lập và sử dụng nguồn kinh phí được trích 5% trên số tiền đã nộp vào Ngân sách nhà nước do Kiểm toán nhà nước phát hiện và kiến nghị (sau đây gọi tắt là nguồn kinh phí 5%).

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định việc quản lý, cấp phát trang phục cho cán bộ, công chức thuộc Kiểm toán nhà nước và chế độ ưu tiên đối với Kiểm toán nhà nước; trích lập và sử dụng nguồn kinh phí 5% gồm:

a) Việc trích lập và sử dụng nguồn kinh phí 5%;

b) Cán bộ, công chức thuộc Kiểm toán nhà nước được cấp phát trang phục để sử dụng khi thi hành công vụ;

c) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc Kiểm toán nhà nước được hưởng chế độ ưu tiên.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Kiểm toán nhà nước;

b) Các cơ quan, đơn vị được kiểm toán;

c) Các cơ quan đơn vị có liên quan.

Điều 2. Chế độ trang phục đối với cán bộ, công chức

1. Cán bộ, công chức thuộc Kiểm toán nhà nước được cấp phát trang phục để sử dụng khi thi hành công vụ theo số lượng, niên hạn sử dụng trang phục được quy định tại Nghị quyết số 1003/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 03/3/2006 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá XI.

Hình thức, màu sắc, kiểu dáng của trang phục trong ngành Kiểm toán nhà nước do Tổng Kiểm toán nhà nước quy định.

2. Nguyên tắc cấp phát:

a) Việc cấp phát, sử dụng trang phục phải đúng mục đích, đối tượng theo quy định của Kiểm toán nhà nước; phải mở sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát đến từng cán bộ, công chức bảo đảm chính xác, tránh nhầm lẫn, trùng lắp;

b) Trang phục bị hư hỏng, mất mát vì lý do khách quan thì được cấp bổ sung. Trường hợp hư hỏng, mất mát không có lý do chính đáng, cá nhân phải

đăng ký để được cấp bổ sung và phải chịu chi phí cấp bổ sung hoặc tự may sắm, đảm bảo yêu cầu trang phục để sử dụng khi thi hành công vụ;

c) Đối với các trường hợp thôi việc, nghỉ hưu, nghỉ mất sức, chuyển công tác khác mà trang phục được cấp chưa hết niên hạn thì không phải thu hồi;

d) Tổng Kiểm toán nhà nước có thể quyết định may sắm, cấp phát trang phục cho từng cán bộ, công chức hoặc có thể xem xét, quyết định cấp tiền cho cán bộ, công chức tự may sắm trên cơ sở giá may, tiêu chuẩn và mẫu do Tổng Kiểm toán nhà nước quy định.

3. Căn cứ vào điều kiện cụ thể, Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định vận dụng trang bị một số loại trang phục theo hình thức phù hợp với viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Kiểm toán nhà nước trong phạm vi dự toán ngân sách đã được giao.

Điều 3. Các khoản được trích

Kiểm toán Nhà nước được trích 5% trên số tiền do Kiểm toán nhà nước phát hiện và kiến nghị đã được thực hiện, gồm:

1. Các khoản tăng thu ngân sách nhà nước về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác, gồm:

a) Các khoản tăng thu do đơn vị được kiểm toán có nghĩa vụ kê khai, nộp ngân sách nhà nước nhưng không kê khai, kê khai sai, trốn thuế, gian lận thuế hoặc do vi phạm các quy định khác về thu nộp ngân sách dẫn đến thiếu số thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác phải nộp ngân sách nhà nước hoặc tăng số thuế được hoàn theo quy định của pháp luật, được Kiểm toán nhà nước phát hiện và kiến nghị, đơn vị được kiểm toán đã thực nộp vào ngân sách nhà nước;

b) Các khoản xử phạt vi phạm hành chính về thuế, truy thu thuế do Kiểm toán nhà nước phát hiện và kiến nghị cơ quan quản lý thuế xử phạt, truy thu đơn vị được kiểm toán đã thực nộp vào ngân sách nhà nước;

c) Các khoản kiến nghị tăng thu đơn vị được kiểm toán thực hiện nhưng thông qua phương thức bù trừ như: Điều chỉnh giảm số thuế GTGT còn được khấu trừ thông qua việc điều chỉnh tờ khai thuế GTGT; thực hiện giảm lỗ thông qua việc điều chỉnh tờ khai quyết toán thuế TNDN làm tăng thuế TNDN tương ứng; thực hiện kiến nghị tăng thu thông qua việc bù trừ với số thuế nộp thừa của sắc thuế tương ứng và các khoản bù trừ khác theo quy định của pháp luật;

d) Các khoản thu do các cơ quan, đơn vị đã thu của các đối tượng liên quan nhưng theo quy định của pháp luật thì không được phép thu hoặc thu vượt mức theo quy định của pháp luật được Kiểm toán nhà nước phát hiện và kiến nghị, đơn vị thực hiện thu đã thực nộp vào ngân sách nhà nước (sau khi trừ các khoản phải hoàn trả cho đối tượng). Các khoản lãi phát sinh, tiền phạt chậm nộp ngân sách nhà nước do chiếm dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước đã được thu hồi và đã thực nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Các khoản đã thực chi ngân sách sai chế độ đã nộp lại ngân sách nhà nước (đối với các khoản chi đã quyết toán), bao gồm: (i) Sai đơn giá, khối lượng, định mức và sai khác đối với các công trình đầu tư xây dựng cơ bản; (ii) Sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để chi cho những nội dung không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước, không đúng nhiệm vụ được giao, sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu; (iii) Sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước giao không thực hiện tự chủ (đối với cơ quan hành chính) hoặc giao chi không thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp) để chi cho nội dung theo quy định phải sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước giao tự chủ hoặc giao chi thường xuyên; (iv) Đơn vị báo cáo số liệu sai dẫn đến ngân sách nhà nước đã bố trí dự toán và cấp phát cho đơn vị số tiền cao hơn số tiền đơn vị được hưởng theo quy định; (v) Sử dụng phần kinh phí ngân sách theo quy định phải nộp trả ngân sách nhà nước nhưng đơn vị giữ lại để sử dụng.

3. Các khoản đã thực chi ngân sách sai chế độ đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý giảm chi, giảm thanh toán, gồm:

a) Các khoản chi ngân sách sai chế độ (tại khoản 2 nêu trên) đang trong quá trình lập báo cáo quyết toán với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Kiểm toán nhà nước phát hiện và kiến nghị, được cơ quan có thẩm quyền xử lý giảm quyết toán chi ngân sách nhà nước;

b) Các khoản chi ngân sách sai chế độ (tại khoản 2 nêu trên) đang được tiếp tục thanh toán với ngân sách; Kiểm toán nhà nước phát hiện và kiến nghị, được cơ quan có thẩm quyền xử lý giảm thanh toán, giảm trừ dự toán với ngân sách nhà nước kỳ sau, năm sau.

4. Các khoản kinh phí bố trí dự toán vượt định mức phân bổ, sai nguồn do Kiểm toán nhà nước phát hiện và kiến nghị đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý thu hồi nộp ngân sách nhà nước.

Điều 4. Sử dụng kinh phí được trích để thực hiện chế độ ưu tiên đối với Kiểm toán nhà nước

1. Chi khuyến khích, thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động không vượt quá 0,8 lần tiền lương cấp bậc, chức vụ, vượt khung và chế độ phụ cấp theo nghề mức từ 15% đến 25% tuỳ theo từng đối tượng đã quy định trong Nghị quyết số 1003/2006/NQ-UBTVQH11 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

2. Số kinh phí còn lại sau khi chi khuyến khích, thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Kiểm toán nhà nước được sử dụng để đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường năng lực hoạt động của ngành, gồm:

a) Chi tăng cường đầu tư xây dựng trụ trở làm việc của Kiểm toán nhà nước; mua sắm, sửa chữa tài sản, máy móc, trang thiết bị, phương tiện làm việc, phương tiện đi lại phục vụ công tác kiểm toán;

b) Bổ sung chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nghiệp vụ, tổ chức các đoàn đi học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước của kiểm toán viên, cán bộ, công chức và người lao động thuộc Kiểm toán nhà nước; bổ sung chi nghiên cứu khoa học, chi công nghệ thông tin, chi thực hiện chính sách thu hút nhân tài; chi hỗ trợ khác nhằm nâng cao năng lực hoạt động kiểm toán;

c) Bổ sung chi các hoạt động nghiệp vụ phục vụ cho công tác kiểm toán;

d) Chi giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước;

đ) Chi động viên, khuyến khích các tập thể và cá nhân trong và ngoài cơ quan Kiểm toán nhà nước đã tích cực phối hợp trong công tác thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Kiểm toán nhà nước và các Đoàn Kiểm toán nhà nước:

a) Khi tổng hợp kết quả kiểm toán, các Đoàn Kiểm toán nhà nước lập bảng tổng hợp các kiến nghị, chi tiết theo mã số thuế (nếu đơn vị được kiểm toán có mã số thuế), tên, địa chỉ đơn vị và các nội dung tương ứng quy định tại Điều 3 Thông tư này, gửi Kho bạc nhà nước, đồng gửi cơ quan quản lý thuế (đối với kiến nghị tăng thu thuế và các khoản thu khác do cơ quan thuế quản lý):

- Các khoản nộp ngân sách nhà nước về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác.

- Các khoản chi sai chế độ xử lý nộp trả ngân sách nhà nước.

- Các khoản chi sai chế độ đã xử lý giảm chi ngân sách, giảm thanh toán vào ngân sách năm sau.

b) Trong kết luận kiểm toán, các Đoàn Kiểm toán nhà nước cần yêu cầu các đơn vị: Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước phải ghi rõ trên chứng từ về nội dung kiến nghị (nộp ngân sách nhà nước, giảm chi ngân sách nhà nước, giảm thanh toán...) và số tiền thực hiện theo kiến nghị của cuộc kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán (*số, ngày, tháng, năm*). Các trường hợp thực hiện kiến nghị nộp ngân sách nhà nước phải đồng thời ghi rõ nộp ngân sách nhà nước theo công văn (*số, ngày, tháng, năm*) của Kiểm toán nhà nước trên chứng từ nộp tiền vào Kho bạc nhà nước nơi đơn vị được kiểm toán giao dịch;

c) Hàng năm, trên cơ sở báo cáo của các đơn vị được kiểm toán (kèm theo chứng từ hoặc văn bản xác nhận của các cơ quan có liên quan) và báo cáo kết quả kiểm tra tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, Kiểm toán nhà nước lập Bảng tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán năm (*phụ lục 01 đính kèm*) trên phạm vi toàn quốc gửi Kho bạc nhà nước (*cả văn bản và tệp file dữ liệu*) để đối chiếu và xác nhận.

2. Đối với đơn vị được kiểm toán:

a) Khi thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, thực hiện đúng theo yêu cầu của Kiểm toán nhà nước trong kết luận kiểm toán được quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Đối với trường hợp đơn vị nộp tiền vào ngân sách nhà nước trước khi có công văn của Kiểm toán Nhà nước gửi đơn vị thì trên chứng từ ghi cụ thể: *"nộp ngân sách nhà nước theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước"*. Chứng từ thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước theo hướng dẫn tại Phụ lục số 03 đính kèm Thông tư này;

b) Trường hợp khi đơn vị thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước nhưng phần nội dung không ghi rõ *"thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước"* thì đơn vị phải có trách nhiệm gửi Kho bạc nhà nước hoặc cơ quan quản lý Thuế hoặc cơ quan Tài chính địa phương hoặc cơ quan có thẩm quyền giao dự toán, phê duyệt quyết toán để được xác nhận *(phụ lục 02a, 02b, 02c đính kèm)* theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều này;

c) Ngoài trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán theo yêu cầu của Kiểm toán nhà nước, hàng năm khi lập báo cáo quyết toán năm, các đơn vị được kiểm toán căn cứ chứng từ thực hiện kiến nghị kiểm toán hoặc xác nhận của các cơ quan liên quan lập báo cáo về số tiền đã thực hiện kiến nghị kiểm toán trong năm gửi về đơn vị quản lý cấp trên, đơn vị quản lý cấp trên tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán (chi tiết đến từng chứng từ, nội dung thực hiện) gửi Kiểm toán nhà nước và Bộ Tài chính.

3. Cơ quan Tài chính, Thuế, Hải quan ở địa phương: Xác nhận chứng từ thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đối với các kiến nghị đã được thực hiện theo đề nghị của đơn vị được kiểm toán; Cụ thể:

a) Cơ quan Thuế, Hải quan thực hiện xác nhận *(phụ lục 02b đính kèm)*:

- Các khoản đơn vị đã nộp ngân sách nhà nước nhưng chưa ghi đầy đủ thông tin *"nộp ngân sách nhà nước theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước"*.

- Kiến nghị điều chỉnh giảm số thuế GTGT còn được khấu trừ thông qua việc điều chỉnh tờ khai thuế GTGT; thực hiện giảm lỗ thông qua việc điều chỉnh tờ khai quyết toán thuế TNDN; thực hiện kiến nghị tăng thu thông qua việc bù trừ với số thuế nộp thừa của sắc thuế tương ứng và các khoản bù trừ khác theo quy định của pháp luật do cơ quan Thuế, Hải quan thực hiện.

b) Cơ quan Tài chính thực hiện xác nhận *(phụ lục 02c đính kèm)*: Các khoản tăng thu, giảm trừ thanh toán, giảm trừ quyết toán và giảm trừ dự toán.

4. Đối với cơ quan có thẩm quyền giao dự toán, phê duyệt quyết toán (quyết toán ngân sách theo niên độ, quyết toán dự án hoàn thành...):

a) Khi giao dự toán hoặc giao kế hoạch vốn đầu tư có giảm trừ dự toán theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước thì ghi cụ thể nội dung, số kinh phí giảm trừ theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước như nội dung ghi trên chứng từ thực hiện kiến nghị (*Phụ lục số 03 đính kèm)*;

b) Khi phê duyệt quyết toán ngân sách theo niên độ hoặc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành có giảm trừ quyết toán theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước phải ghi cụ thể nội dung, số kinh phí giảm trừ trên văn bản phê duyệt quyết toán;

c) Xác nhận chứng từ thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước theo đề nghị của đơn vị được kiểm toán đối với các khoản tăng thu, giảm trừ thanh toán, giảm trừ quyết toán và giảm trừ dự toán đã được thực hiện nhưng trên chứng từ không ghi rõ nội dung *"thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước"*(*Phụ lục 02c đính kèm).*

5. Đối với Kho bạc nhà nước các cấp:

a) Kho bạc nhà nước địa phương (nơi đơn vị được kiểm toán thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước):

- Căn cứ vào nội dung ghi trên chứng từ của đơn vị được kiểm toán để ghi chép phục vụ công tác đối chiếu, xác nhận kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước;

- Xác nhận chứng từ thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đối với các kiến nghị được thực hiện qua Kho bạc nhà nước (nộp ngân sách nhà nước, giảm chi, giảm thanh toán ...) *(Phụ lục 02a đính kèm).*

b) Kho bạc Nhà nước: Hàng năm, căn cứ vào Bảng tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán năm, trên cơ sở chứng từ thực hiện của đơn vị được kiểm toán và xác nhận của các cơ quan, đơn vị có liên quan do Kiểm toán nhà nước cung cấp *(phụ lục 01 đính kèm)*, Kho bạc nhà nước đối chiếu, xác nhận, gửi Kiểm toán nhà nước.

Điều 6. Lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí được trích

1. Nguồn kinh phí may sắm trang phục:

Hàng năm căn cứ vào đối tượng được cấp trang phục, số lượng chủng loại trang phục đến niên hạn, Kiểm toán nhà nước lập dự toán kinh phí may sắm trang phục. Kinh phí để thực hiện chế độ trang phục của cán bộ, công chức, viên chức Kiểm toán nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Kiểm toán nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Nguồn kinh phí 5%:

a) Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước; Kiểm toán nhà nước căn cứ vào ước thực hiện số tiền thực thu nộp vào ngân sách nhà nước do Kiểm toán nhà nước phát hiện và kiến nghị của năm đó để xác định kinh phí trích 5% của năm kế hoạch, tổng hợp chung trong dự toán thu, chi ngân sách của Kiểm toán nhà nước, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp chung vào dự toán ngân sách nhà nước trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

b) Kết thúc năm, căn cứ vào báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, Bộ Tài chính sẽ xem xét giải quyết số chênh lệch giữa số được trích trên kết quả thực hiện kiến nghị cao hơn hoặc thấp hơn số đã bố trí trong dự toán chi ngân sách, cụ thể như sau:

- Trường hợp số được trích trên kết quả đã thực hiện kiến nghị cao hơn số đã bố trí trong dự toán năm thì số thiếu sẽ được bố trí bổ sung vào dự toán năm sau nữa (ví dụ: số thiếu năm 2014 được bố trí trong dự toán năm 2016);

- Trường hợp số được trích trên kết quả đã thực hiện kiến nghị thấp hơn số đã bố trí trong dự toán năm thì số đã bố trí thừa sẽ được trừ vào số phải bố trí của năm sau nữa (ví dụ: số thừa năm 2014 được trừ vào dự toán năm 2016).

3. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi chế độ trang phục và nguồn kinh phí 5% thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và thay thế Thông tư số 56/2007/TT-BTC ngày 08/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát trang phục; trích lập và sử dụng nguồn kinh phí được trích 2% trên số tiền thực nộp vào Ngân sách nhà nước do Kiểm toán nhà nước phát hiện và Thông tư số 160/2011/TT-BTC ngày 16/11/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 56/2007/TT-BTC ngày 08/6/2007.

2. Căn cứ vào báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước do Kho bạc nhà nước lập, Bộ Tài chính thực hiện trích 5% trên số tiền đã thực nộp ngân sách nhà nước và số tiền chi sai chế độ đã xử lý giảm chi, giảm thanh toán cho Kiểm toán nhà nước từ năm 2011 theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu xử lý theo thẩm quyền./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Huỳnh Quang Hải

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

PHỤ LỤC 01

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NĂM...

(Kèm theo Thông tư số 165/2015/TT-BTC ngày 05/11/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chứng từ		Tên đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán	Tên kho bạc tỉnh, huyện nơi đơn vị giao dịch	Nội dung	Tổng số tiền	Tăng thu về thuế, phí, lệ phí, thu khác về thuế	Các khoản thu NSNN khác	Các khoản chi sai nộp NSNN			Giảm trừ thanh toán, dự toán năm sau			Ghi chú
	Số Chứng từ	Ngày, tháng, năm lập chứng từ							Cộng	Thường xuyên	Đầu tư	Cộng	Thường xuyên	Đầu tư	
G	*B*	*C*	*D*	*E*	*G*	*1=2+3+4+5*	*2*	*3*	*4=4.1+4.2*	*4.1*	*4.2*	*5=5.1+5.2*	*5.1*	*5.2*	*6*
A			***Tổng Công ty***												
1			Tổng Công ty A	Hải phòng											
2			Công ty A1	Kiến An - Hải Phòng											
3			Công ty A2	Tiên Lãng - Hải Phòng											
4			Công ty A3	Thái Bình											
			...												
			Tổng Công ty B	Hà Nội											
...			...	...											
B			***Các Bộ, ban ngành TW***												
1			Bộ Tư pháp	Hà Nội											
2			Thi hành án Nam Định	Nam Định											
3			Đội Thi hành án	Ý Yên-Nam Định											
...			...	...											
C			***Các tỉnh, thành phố***												
1				**Thái Bình**											
1,1			Sở Công Thương	Thái Bình											
1,2			Phòng Tài chính	Vũ Thư - Thái Bình											
...			...	...											
2				**Đà Nẵng**											
2,1			Sở NN&PTNT	Đà Nẵng											
2,2			Phòng Nội Vụ	Sơn Trà - Đà Nẵng											
...			...	...											
Tổng cộng															

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

PHỤ LỤC 02a

XÁC NHẬN KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NĂM...

(Kèm theo Thông tư số 165/2015/TT-BTC ngày 05/11/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chứng từ		Tên đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán	Tên kho bạc tỉnh, huyện nơi đơn vị giao dịch	Nội dung	Tổng số tiền	Tăng thu về thuế, phí, lệ phí, thu khác về thuế	Các khoản thu NSNN khác	Các khoản chi sai nộp NSNN			Ghi chú
	Số Chứng từ	Ngày, tháng, năm lập chứng từ							Cộng	Thường xuyên	Đầu tư	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*G*	*1=2+3+4*	*2*	*3*	*4=4.1+4.2*	*4.1*	*4.2*	*5*

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

PHỤ LỤC 02b

XÁC NHẬN KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NĂM...

(Kèm theo Thông tư số 165/2015/TT-BTC ngày 05/11/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chứng từ		Tên đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán	Tên kho bạc tỉnh, huyện nơi đơn vị giao dịch	Nội dung	Tổng số tiền	Tăng thu về thuế, phí, lệ phí, thu khác về thuế	Các khoản thu thông qua phương thức bù trừ	Ghi chú
	Số Chứng từ	Ngày, tháng, năm lập chứng từ							
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*G*	*1=2+3*	*2*	*3*	*4*

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

PHỤ LỤC 02c

XÁC NHẬN KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NĂM...

(Kèm theo Thông tư số 165/2015/TT-BTC ngày 05/11/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chứng từ			Tên đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán	Nộidung	Tổng tiền	Các khoản nộp ngân sách nhà nước			Giảm trừ thanh toán, quyết toán, dự toán năm sau			Ghi chú
	Số Chứng từ	Ngày, tháng, năm lập chứng từ	Tên Kho bạc tỉnh, huyện nơi đơn vị giao dịch				Cộng	Thường xuyên	Đầu tư	Cộng	Thường xuyên	Đầu tư	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*G*	*1*	*2=3+4*	*3*	*4*	*5=6+7*	*6*	*7*	*8*
Tổng cộng													

Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN TÀI CHÍNH
(hoặc cơ quan có thẩm quyền
giao dự toán, phê duyệt quyết toán)

Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

PHỤ LỤC 03

Hướng dẫn chứng từ thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước
(Kèm theo Thông tư số165/2015/TT-BTC ngày 05/11/2015 của Bộ Tài chính)

Chứng từ thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước cụ thể như sau:

1. Đối với kiến nghị tăng thu về thuế, phí, lệ phí, thu khác, các khoản chi sai, ... nộp tại KBNN

a) Chứng từ thực hiện theo các mẫu biểu chứng từ được ban hành theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính:

- Giấy nộp tiền vào NSNN *(mẫu C1-02/NS , C1-03/NS)*.

- Ủy nhiệm chi *(mẫu C4-02/NS)*, Giấy rút dự toán *(mẫu C2-02/NS)*, Giấy rút vốn đầu tư *(mẫu C3-01/NS)*.

- Giấy nộp trả kinh phí *(mẫu C2-05/NS và C3-04/NS)*.

- Lệnh chuyển có, Ủy nhiệm chi của Ngân hàng *(chứng từ giấy khi tham gia thanh toán thủ công hoặc phục hồi đối với các đơn vị tham gia thanh toán điện tử)*.

b) Các chứng từ khác thực hiện theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013 và Quyết định số 759/2013/QĐ- BTC ngày 16/4/2013.

Các chứng từ trên, ngoài việc ghi nội dung và số tiền cụ thể theo quy định, còn phải ghi rõ: ***Nộp tiền thực hiện theo kiến nghị của KTNN niên độ NS năm ....*** *(và công văn số, ngày, tháng, năm của KTNN gửi KBNN nếu có)* đồng thời đơn vị được kiểm toán đánh dấu vào ô Kiểm toán nhà nước trên giấy nộp tiền vào NSNN. Trường hợp vì lý do nào đó chứng từ không ghi cụ thể theo kiến nghị của cơ quan kiểm toán nêu trên, thì lập bảng kê chứng từ thực hiện kiến nghị KTNN, đề nghị KBNN nơi giao dịch xác nhận hoặc đề nghị cơ quan quản lý Thuế trực tiếp quản lý xác nhận.

- Đối với trường hợp Kiểm toán nhà nước kiến nghị cơ quan quản lý thuế xử phạt, truy thu thuế đối với các đơn vị chứng từ gồm: Quyết định xử phạt, truy thu của cơ quan quản lý thuế ghi rõ nội dung ***"xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ NS năm ...."***; Giấy nộp tiền vào NSNN ghi rõ nội dung ***"nộp tiền xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách..."***

2. Đối với kiến nghị giảm thanh toán vốn đầu tư XDCB, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư

Chứng từ thực hiện:

- Quyết định phê duyệt quyết toán Dự án hoàn thành của cấp có thẩm quyền.

- Trong trường hợp dự án chưa được phê duyệt quyết toán:

+ Hồ sơ thanh toán (Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn, phiếu giá).

+ Biên bản xác nhận công nợ giữa chủ đầu tư (bên giao thầu) và bên nhận thầu;

+ Quyết định điều chỉnh dự toán hoặc điều chỉnh giá trị trúng thầu do giảm trừ theo kiền nghị của KTNN (ghi rõ số tiền, lý do giảm trừ theo kiến nghị của KTNN).

+ Hợp đồng điều chỉnh (hoặc Phụ lục của hợp đồng) giữa chủ đầu tư (bên giao thầu) và bên nhận thầu về giảm trừ giá trị thanh toán công trình theo kiến nghị của KTNN đối với các hợp đồng (phụ lục hợp đồng) điều chỉnh giảm giá trị thanh toán.

Các chứng từ trên đều phải ghi rõ: ***Giảm thanh toán (số tiền cụ thể) theo kiến nghị của KTNN niên độ NS năm ....*** *(và công văn số, ngày, tháng, năm của KTNN gửi KBNN nếu có)*. Trường hợp vì lý do nào đó chứng từ không ghi rõ nội dung, đơn vị được kiểm toán có trách nhiệm đề nghị cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán xác nhận (trường hợp Dự án đã quyết toán hoàn thành) hoặc văn bản giải trình có ký xác nhận của 2 bên (trường hợp dự án chưa quyết toán).

3. Đối với kiến nghị giảm dự toán chi thường xuyên

Chứng từ thực hiện:

- Quyết định giảm dự toán của UBND các cấp *(trường hợp giảm dự toán trong năm phải kèm theo phiếu điều chỉnh dự toán của cơ quan tài chính hoặc KBNN (đối với NS xã) (mẫu C6-04/NS theo Thông tư 08/2013/TT-BTC);*

- Quyết định giao dự toán của các cấp có thẩm quyền; kèm phụ lục chứng minh việc giảm trừ dự toán do KTNN kiến nghị.

- Công văn của cơ quan tài chính được ủy quyền thông báo dự toán *(trường hợp thu hồi dự toán trong năm phải kèm theo phiếu điều chỉnh dự toán của cơ quan tài chính, mẫu C6-04/NS theo Thông tư 08/2013/TT-BTC);*

Các văn bản trên phải ghi rõ: ***Giảm dự toán (số tiền cụ thể) theo kiến nghị của KTNN niên độ NS năm ....*** *(và công văn số, ngày, tháng, năm của KTNN gửi KBNN nếu có)*. Trường hợp vì lý do nào đó các văn bản trên không ghi rõ nội dung, đơn vị được kiểm toán có trách nhiệm đề nghị cơ quan ban hành các văn bản trên xác nhận nội dung và số tiền thực hiện kiến nghị của KTNN.

4. Đối với kiến nghị về thuế thông qua phương thức bù trừ

Chứng từ thực hiện:

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế ***(ghi rõ nội dung và số tiền bù trừ thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước);***

- Tờ khai thuế GTGT ***(thuyết minh rõ nội dung và số giảm thuế GTGT còn được khấu trừ theo kiến nghị của KTNN).***

- Tờ khai thuế TNDN ***(thuyết minh rõ nội dung và số thuế TNDN tăng thêm do thực hiện giảm lỗ theo kiến nghị của KTNN).***

Trường hợp số tiền được bù trừ nhỏ hơn số kiến nghị của KTNN thì phải kèm theo chứng từ nộp NSNN số tiền còn lại.

Trường hợp mẫu chứng từ theo các Thông tư trích dẫn nêu trên được sửa đổi, bổ sung, thay thế; thực hiện theo mẫu chứng từ tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.